

Bản án số: 36/2018/KDTM-ST

Ngày: 07/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Đẩu và bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Hồ Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLST-KDTM ngày 25/12/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-KDTM ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: số 77, đường Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công D, chức vụ: Phó phòng Xử lý nợ tại Chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 157/UQ-TGD ngày 23/6/2016). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D

Địa chỉ: số 41, đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 21, khu liên kề D, phường T, V, Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Lệ H, (sinh năm 1975, số CMTND 015175000095 do Cục trưởng Cục cảnh sát đăng ký QLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 19/07/2016) Trú tại: số 53, ngõ 112, đường S, phường T, quận Đ, Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 19/10/2018). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng A, sinh năm 1986; Địa chỉ: khối 13, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn D có vay nợ tại Ngân hàng TMCP S cụ thể như sau:

+ Tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010; Ngân hàng TMCP S cho Công ty TNHH D vay số tiền 600,000,000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay vốn: Vay mua máy đào; thời gian vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH D đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01/613/SHB/TP ngày 17/12/2010. Ngoài ra, ngày 17/12/2010 hai bên còn ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP thỏa thuận về lịch trả nợ gốc.

Tài sản đảm bảo khoản vay của Hợp đồng tín dụng trên là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, tỉnh Nghệ An được UBND Thành Phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 219509 ngày 13/08/2004 cho ông Hoàng A theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 (số công chứng: 3480/2010/VPCCV, quyển số 04/VPCC/HĐGD ngày 16/12/2010 do Văn phòng công chứng Vinh chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 16/12/2010). Tài sản này hiện anh Hoàng A đang quản lý.

Đối với khoản vay này, tính đến ngày 15/11/2011 Công ty TNHH D chỉ trả được số tiền lãi suất trong hạn là 120,583,414 đồng và 218.104 đồng phí phạt; chưa thanh toán được số tiền nợ gốc nào. Tính đến ngày 07/11/2018 còn nợ số tiền: 1.875.816.586 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 728.383.333 đồng).

+ Tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011; Ngân hàng TMCP S cho Công ty TNHH D vay số tiền 450,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô; thời gian vay 24 tháng kể từ

ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH D đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01/710/SHB/TP ngày 01/04/2011. Ngoài ra, ngày 25/3/2011 hai bên còn ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP thỏa thuận về lịch trả nợ gốc.

Tài sản đảm bảo tiền vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89, số máy: YD25300117T, số khung: UD40Z0034643 được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002536 ngày 23/3/2011 cho tên chủ xe là Công ty TNHH D theo Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011 (số công chứng: 474/2011/VPCCV, quyền số 01/VPCC/HĐGD ngày 01/04/2011 do Văn phòng công chứng Vinh chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 12/01/2011). Tài sản này Công ty TNHH D đã bàn giao cho Ngân hàng quản lý kể từ ngày 16/6/2016.

Đối với khoản vay này, tính đến ngày 15/9/2011 Công ty TNHH D chỉ trả được số tiền lãi suất trong hạn là 52.187.500 đồng và 793.188 đồng phí phạt, chưa thanh toán được số tiền nợ gốc nào. Tính đến ngày 07/11/2018 còn nợ số tiền 1.626.406.250 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 1.000.156.250 đồng).

+ Tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010; Ngân hàng TMCP S cho Công ty TNHH D vay số tiền 400,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay vốn: Vay mua máy đào; thời gian vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH D đã nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 02/613/SHB/TP ngày 12/01/2011. Tài sản đảm bảo là 01 (một) máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280, được Sở giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00466/XMCD ngày 05/01/2011 cho tên chủ sở hữu là Công ty TNHH D được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010 (số công chứng: 62/2011/VPCCV, quyền số 01/VPCC/HĐGD ngày 12/01/2011 do Văn phòng công chứng Vinh chứng nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 04/4/2011).

Đối với khoản nợ này, do Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ chính xác của tài sản thế chấp; phía bị đơn cũng có thiện chí bàn giao tài sản thế chấp trên cho Ngân hàng để xử lý nợ. Vì vậy, ngày 02/3/2018, Ngân hàng TMCP S đã gửi đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là rút yêu cầu: buộc Công ty TNHH D phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280 được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vinh chấp nhận.

Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH D trả nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: 1. Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ cụ thể như sau: - Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.875.816.586 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 728.383.333 đồng). Trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Nghệ An được cấp GCNQSDĐ cho anh Hoàng A.

- Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.626.406.250 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 1.000.156.250 đồng). Trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89, số máy: YD25300117T, số khung: UD40Z0034643 thuộc quyền sở hữu của công ty TNHH D

2. Đề nghị Tòa án tuyên: kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 02/3/2018 về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280 theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010) và lãi phạt quá hạn.

Ngân hàng không đồng ý rút đơn khởi kiện; không đồng ý với nguyện vọng được mua lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 với giá gốc là 600.000.000 theo yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại các Biên bản hòa giải ngày 22/01/2018 và ngày 16/3/2018, biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 thì bà Nguyễn Thị Lệ H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH D thừa nhận: Công ty trách nhiệm hữu hạn D có vay vốn, thế chấp tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP S, chi nhánh A theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH D đã nhận đầy đủ số tiền vay nhưng do làm ăn khó khăn nên Công ty chưa có để trả nợ cho Ngân hàng. Bà H xác nhận tính đến 16/3/2018 Công ty TNHH D còn nợ Ngân hàng TMCP S các khoản nợ như sau:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 tạm tính đến ngày 16/3/2018 là 1.746.016.586 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 598.583.333 đồng). Tài sản đảm bảo khoản vay này là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Nghệ An được UBND Thành Phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 219509 ngày 13/08/2004 cho ông Hoàng Anh theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và hiện do anh Hoàng A đang quản lý.

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 tạm tính đến ngày 16/3/2018 là 1.515.781.250 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 889.531.250 đồng). Tài

sản đảm bảo khoản vay này là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89, số máy: YD25300117T, số khung: UD40Z0034643 được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002536 ngày 23/3/2011 cho tên chủ xe là Công ty TNHH D theo Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011 và đã được Công ty TNHH D đã bàn giao cho Ngân hàng quản lý kể từ ngày 16/6/2016.

Nay Ngân hàng có các yêu cầu khởi kiện ở trên thì Công ty D đồng ý số nợ về tiền gốc và lãi suất đúng như Ngân hàng trình bày, đồng ý trả nợ nhưng chỉ xin trả nợ gốc vì tình hình công ty quá khó khăn; trong trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Công ty TNHH D xin chuộc lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Nghệ An với giá 600.000.000 đồng để trả lại cho anh Hoàng A và đề nghị nguyên đơn rút yêu cầu khởi đối với Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 và Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011 tạo điều kiện cho Công ty trả nợ dần.

Bà Hằng cũng đồng ý với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về buộc Công ty TNHH D phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010; phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280 theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010 và yêu cầu về trả tiền phí phạt.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2018 thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng A thừa nhận: Ngày 14/12/2010, anh Hoàng A đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Tỉnh Nghệ An đã được UBND Thành Phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 219509 ngày 13/08/2004 cho ông Hoàng A để đảm bảo khoản vay 600.000.000 đồng của Công ty TNHH D tại Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 giữa Ngân hàng

TMCP S và Công ty TNHH D. Tài sản này hiện vẫn đang do anh Hoàng A quản lý. Nay Ngân hàng khởi kiện thì anh Hoàng A đề nghị Công ty TNHH D trả nợ nhanh cho Ngân hàng để trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh. Nếu Công ty TNHH D không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì anh Hoàng A xin lấy tài sản trên với giá gốc là 600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về nội dung: Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ cụ thể như sau:

+ Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.875.816.586 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 728.383.333 đồng); Trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Nghệ An được cấp GCNQSDĐ cho anh Hoàng A.

+ Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.626.406.250 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 1.000.156.250 đồng). Trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89, số máy: YD25300117T, số khung: UD40Z0034643 thuộc quyền sở hữu của công ty TNHH D

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010; phát mãi tài sản thế chấp là 01 máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biên kiểm soát 37XA-0280 theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010 và yêu cầu về lãi phạt quá hạn của Ngân hàng TMCP S.

Về yêu cầu tiếp tục tính lãi suất: đề nghị áp dụng án lệ số 08/2016/AL đã được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 tuyên buộc Công ty TNHH D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: buộc Công ty TNHH D phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân thành phố Vinh yêu cầu Công ty TNHH D trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng này. Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng là hợp lệ, còn thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nội dung của các Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S -chi nhánh A với Công ty TNHH D, Hội đồng xét xử thấy rằng về hình thức cũng như nội dung của hợp đồng các bên đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái với các quy định của

pháp luật nên các Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp lý với các bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH D đã nhận đủ số tiền vay của cả hai Hợp đồng tín dụng trên thể hiện tại các Khế ước nhận nợ số 01/613/SHB/TP ngày 17/12/2010 và Khế ước nhận nợ số 01/710/SHB/TP ngày 01/04/2011 nhưng lại không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mà hai bên đã cam kết thỏa thuận, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi đã ký với Ngân hàng. Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện của bị đơn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H cũng thừa nhận Công ty TNHH D còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc của hai Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi suất như Ngân hàng trình bày và đồng ý trả nợ cho ngân hàng nên cần buộc Công ty TNHH D trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ của các Hợp đồng trên tính đến ngày 07/11/2018 theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 474 Bộ luật Dân sự. Như vậy, cần buộc Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ cụ thể như sau: số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.875.816.586 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 728.383.333 đồng) và số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 tính đến ngày 07/11/2018, Công ty TNHH D còn nợ số tiền 1.626.406.250 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 1.000.156.250 đồng). Cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 để buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào nội dung, hình thức của hợp đồng cũng như quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Anh đã thừa nhận việc ký kết các hợp đồng thế chấp là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các

bên. Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng cũng đã làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định 163/2006 ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 323, 343 Bộ luật Dân sự nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên ký kết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu: Xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 để thu hồi nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và Xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011 để thu hồi nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận Tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89 đã được Công ty TNHH D bàn giao cho Ngân hàng quản lý từ ngày 16/6/2016 đến nay. Tại Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, bà Nguyễn Thị Lệ H cũng đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ, tuy nhiên đối với Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 thì bà H và anh Hoàng A có nguyện vọng được mua lại tài sản này với giá 600.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu trên của bà H và anh Hoàng A. Căn cứ các Hợp đồng thế chấp trên, Điều 355 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Mặc dù tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 và phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280 được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010) và lãi phạt quá hạn của các hợp đồng tín dụng, nhưng đến ngày 02/3/2018, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trên; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với việc rút yêu cầu cũng như nội dung khởi kiện được rút. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều

217, khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của nguyên đơn; nếu sau này nguyên đơn khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ của cả hai hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 3.502.228.832 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại với mức thu (72.000.000 đồng và 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng) là 102.044.456 đồng

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30; Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 318, 319, 323, 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, 715, 716, 717, 718, 719, 710, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 163/2006 ngày 29/12/2006, Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ cụ thể như sau:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 613/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.875.816.586 đồng (một tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng; lãi trong hạn là 547.433.253 đồng; lãi quá hạn: 728.383.333 đồng).

Trong trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến

đất đối với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ Khối 11, Phường T, Thành Phố V, Tỉnh Nghệ An đã được UBND Thành Phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 219509 ngày 13/08/2004 đứng tên ông Hoàng A đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 613A/2010/HĐTCTS-BTB/SHB NA/TP ngày 14/12/2010.

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 710/2011/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 25/03/2011 tính đến ngày 07/11/2018 là 1.626.406.250 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi trong hạn là 176.250.000 đồng; lãi quá hạn là: 1.000.156.250 đồng).

Trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu NISSAN, biển kiểm soát 37C-007.89, số máy: YD25300117T, số khung: UD40Z0034643 được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002536 ngày 23/3/2011 cho tên chủ xe là Công ty TNHH D đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 710/2011/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 25/3/2011. Tài sản này đã được Công ty TNHH D bàn giao cho Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Nghệ An quản lý kể từ ngày 16/6/2016 đến nay.

Tổng số tiền nợ của cả hai Hợp đồng tín dụng trên buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S là 3.502.222.836 đồng (ba tỷ năm trăm linh hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng), (trong đó: nợ gốc là 1.050.000.000 đồng; lãi trong hạn là 723.683.252 đồng; lãi quá hạn là: 1.728.539.583 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng TMCP S khoản nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số

613B/2010/HĐTDTDH-PN/SHB NA/TP ngày 14/12/2010; phát mãi tài sản thế chấp là 01 máy đào nhãn hiệu HYUNDAI ROBEX 2900LC-III, biển kiểm soát 37XA-0280 theo Hợp đồng thế chấp số 613B/2010/HĐTCTS-PN/SHBNA/TP ngày 14/12/2010 và yêu cầu về lãi phạt quá hạn của Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu 102.044.456 đồng (một trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 57.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000405 ngày 21/12/2017.

Án xử công khai, tuyên án có mặt người đại diện ủy quyền của nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. Vinh
- Chi cục THADS TP. Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

Nguyễn Thị Hồng Nhung